TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS - PT
Ngày 22 - 5- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Túy Giang

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Tô Khánh T, sinh năm 1970 (Chủ doanh nghiệp tư nhân KT)

Địa chỉ: Ấp PTT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Lâm Thành V, sinh năm 1978; Địa chỉ thứ nhất: A/F, ấp B, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thứ hai: Số 6B, đường 1C, Phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thứ ba: Số 5/D, PCK, Phường TQ, Quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thứ tư: Số 6M, đường N, Phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thứ năm: Ấp P, ấp VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ thứ sáu: Số 2a, đường HD, Phường M, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lâm Thành V: Chị Lâm Kim V, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp TT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp PTT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Chị Lâm Kim V, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp PTT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp TT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. NLQ2, sinh năm 1976; Có 5 địa chỉ: Địa chỉ thứ nhất: A/F, ấp B, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thứ hai: Số 6B, đường 1C, Phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thứ ba: Số 5/D, PCK, Phường TQ, Quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thứ tư: Số 6M, đường N, Phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thứ năm: Ấp P, ấp VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ thứ sáu: Số 2A, đường HD, Phường M, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Lâm Thành V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Tô Khánh T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ1thống nhất trình bày: Do biết anh Lâm Thành V xây dựng nhà kho ở ấp P, ấp VPT, nên anh có liên hệ qua điện thoại với anh V nhằm mục đích để hợp đồng bán vật liệu xây dựng cho anh V, khi đó anh V kêu anh liên hệ với chị Lâm Kim V và anh Nguyễn Chí L là người quản lý trong việc xây dựng kho của anh V. Anh đã liên hệ với chị V và anh L để bán vật liệu xây dựng như thỏa thuận với anh V. Từ ngày 16 tháng 3 năm 2015 đến ngày 10 tháng 6 năm 2015, anh bắt đầu chở vật liệu đến công trình xây dựng do anh L và chị V là người gọi điện thoại liên hệ mua và ký nhận trong mỗi lần Doanh nghiệp KT chở vật liệu xây dựng đến. Tổng kết lại thì anh L và chị V nhận với số tiền là 266.129.000 đồng, anh liên hệ với anh V để yêu cầu thanh toán, vài lần đầu anh V còn hứa trả tiền, sau này anh V cho rằng không mua vật liệu xây dựng của anh đồng thời xác định việc mua vật liệu là do nhà thầu Nguyễn Như T mua, vì anh V thuê ông T xây dựng công trình trọn gói. Anh khẳng định anh không có hợp đồng với ông T, chỉ có hợp đồng với anh V để bán vật liệu xây dựng cho anh V để xây dựng nhà kho cho anh V, người ký nhận là chị V và anh L, nên anh yêu cầu anh V, anh L, chị V cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền trên và tính tiền lãi theo quy định pháp luật. Ngày 18 tháng 02 năm 2016 anh rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 107.790.500 đồng và tiền lãi, chỉ yêu cầu đối với số tiền 158.158.500 đồng và tiền lãi trên số tiền này.

Bị đơn anh Lâm Thành V trình bày: Vào khoảng tháng 3 năm 2015 anh có ký hợp đồng trọn gói với anh Nguyễn Như T, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1976, địa chỉ: số 7A, NS, Phường TQ, Quận TQ, Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng nhà

kho ở ấp P, ấp VPT với giá của hợp đồng từ khi xây dựng đến khi hoàn thành công trình là 1.114.000.000đ. Khi ký hợp đồng thì trả trước 30%, sau đó thanh toán theo tiến độ công trình, đến khi nào anh T xây dựng hoàn thành nhà kho giao cho anh thì anh thanh toán hết hợp đồng, khi xây dựng nhà kho xong thì anh đã thanh toán đầy đủ cho anh T toàn bộ số tiền như hợp đồng đã ký kết. Việc anh T và anh T thỏa thuận mua bán vật liệu xây dựng như thế nào là anh không biết, anh không có hợp đồng mua vật liệu xây dựng của anh T, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh T.

Bị đơn anh Nguyễn Chí L trình bày: Vào khoảng tháng 3 năm 2015 anh V có thuê anh trông coi tiến trình xây dựng nhà kho cho anh V và báo cáo tiền độ công trình cho anh V. Trong quá trình làm tại đây anh không có thỏa thuận mua vật liệu xây dựng của Doanh nghiệp tư nhân KT, tuy nhiên có những lần anh Đức là người làm của ông T thầu xây dựng có nhờ anh điện kêu doanh nghiệp tư nhân KT chở vật liệu xây dựng qua xây kho, anh không biết các bên mua và bán thỏa thuận như thế nào. Từ ngày 16 tháng 3 năm 2015 đến ngày 10 tháng 6 năm 1015, anh có ký tên vào 41 hóa đơn giao nhận hàng với tổng số tiền là 157.278.500đ. Anh xác định vật liệu xây dựng mà anh ký nhận dùng để xây nhà kho cho anh V chứ không phải cho anh, nên anh không đồng ý toàn bộ yêu cầu của anh T đối với anh.

Bị đơn chị Lâm Kim V trình bày: Kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2015 đến ngày 10 tháng 6 năm 1015 chị có phụ anh V trông coi xây dựng công trình nhà kho của anh V, chị xác định chị không có thỏa thuận mua bán vật liệu xây dựng với anh T. Trong thời gian trông coi công trình xây dựng chị chỉ có ký xác nhận 2 xe cát lấp, mỗi xe là 04 khối cát để xây dựng nhà kho cho anh V; Các hóa đơn ngày 17/5/2015 giao 78 kg lưới B40, 03 m^3 đá 1/2, hóa đơn ngày 17 tháng 5 năm 2015 giao 30 bao xi mang Fico và 02 m^3 cát vàng, hóa đơn ngày 22 tháng 5 năm 2015 giao 02 m^3 cát vàng mà anh T cung cấp không phải chữ ký của chị. Nay chị không đồng ý toàn bộ yêu cầu của anh T đối với chị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là NLQ2 không có lời khai tại Tòa án.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 23/2018/QĐ-SCBSBA ngày 19 tháng 12 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T đối với anh Lâm Thành V. Buộc anh V và NLQ2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trung chủ Doanh nghiệp tư nhân KT và NLQ1số tiền 158.158.500 đồng và tiền lãi là 49.427.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T đối với anh L và chị V.

- Đình chỉ một phần yêu khởi kiện của anh Tô Khánh T đối với số tiền 107.970.500 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, Luật thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018 anh Lâm Thành V kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Khánh T. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh V, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Ngày 14 tháng 05 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm của nguyên đơn anh Tô Khánh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, Phiến.

[3] Ngày 25 tháng 10 năm 2016 anh Tô Khánh T yêu cầu anh Lâm Thành V, anh Nguyễn Chí L và chị Lâm Kim V trả cho anh số tiền mua vật tư xây dựng với số tiền 266.129.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngày 30 tháng 11 năm 2018 anh T chỉ yêu cầu anh V, anh L và chị V trả số tiền 158.158.500 đồng và tiền lãi, rút yêu cầu đối với số tiền 107.790.500 đồng và tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu của anh T đối với số tiền 107.790.500 đồng và tiền lãi trên số tiền này là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của anh T về việc yêu cầu anh L, chị V và anh V trả số tiền 158.158.500 đồng và tiền lãi thấy rằng: Anh T xác định anh có thỏa thuận mua bán vật liệu xây dựng với anh V, sau đó anh V kêu anh liên hệ với anh L, chị V là người trông coi công trình nhà kho của anh V để nhận hàng. Phía anh L xác định có ký xác nhận vào 41 hóa đơn giao nhận hàng với số tiền là 158.158.500 đồng và chị V thừa nhận có ký nhận 02 xe cát lấp trị giá 880.000 đồng do Doanh nghiệp tư nhân KT của anh T mang đến.

[5] Tuy nhiên, anh L và chị V xác định anh, chị là người làm công trông coi công trình xây dựng nhà kho cho anh V vì anh V ở Thành phố Hồ Chí Minh. Anh

L, chị V ký nhận vật liệu xây dựng do anh T đem đến với mục đích là ký xác nhận có việc doanh nghiệp KT có giao vật liệu xây dựng tại công trình.

[6] Anh V xác định anh không ký hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng với anh T, thực tế anh có xây dựng nhà kho nhưng anh hợp đồng trọn gói với anh Nguyễn Như Tuấn. Còn việc mua bán vật liệu xây dựng là giữa anh Nguyễn Như Tuấn với anh T như thế nào anh hoàn toàn không biết. Để chứng minh anh V cung cấp Hợp đồng xây dựng với anh Nguyễn Như T; theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình được ký kết ngày 19 tháng 03 năm 2019 giữa anh V và anh T có nội dung anh V là bên A (chủ đầu tư) anh T là bên B (là người thi công) anh T chịu trách nhiệm xây dựng trọn gói và trả tiền theo tiến độ công trình. Đồng thời anh V cung cấp các phiếu chuyển tiền theo tiến độ công trình cho anh T tại Ngân hàng Sacombank Chi nhánh TP – Phòng Giao dịch TQ theo như thỏa thuận của hợp đồng. Tại Công văn số 60/CV-Phòng giao dịch Tân Quý ngày 03/09/2015 Ngân hàng Sài Gòn TT gửi Công an huyện PL, tỉnh Bạc Liêu có nội dung Nguyễn Như Tuấn có mở tài khoản tại Sacombanks phòng giao dịch TQ. Các phiếu chuyển tiền do anh V trực tiếp chuyển tiền ngày 01/4/2015, ngày 17/4/2015, ngày 12/5/2015, ngày 02/6/2015 và Phạm Hữu N ngày 03/4/2015 (anh N là người em rể anh V) tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng. Ngoài ra, anh Tăng Văn Đ là kỹ sư xây dựng người phía anh T nhận trực tiếp bằng tiền mặt 25.000.000 đồng.

[7] Anh T khởi kiện anh V cho rằng đã trực tiếp thỏa thuận mua bán vật tư xây dựng với anh V (bằng điện thoại); anh V ngay từ đầu đã không thừa nhận và chứng minh bằng việc hợp đồng trọn gói với anh T. Anh T không chứng minh được có trực tiếp thỏa thuận mua bán vật liệu xây dựng với anh V. Hơn nữa, tại lời khai của anh T ngày 29/01/2016 (BL 248) anh T xác định việc chị V, anh L mua vật tư xây dựng của Doanh nghiệp tư nhân KT anh V không có liên quan gì, không yêu cầu anh V trả tiền; tại bản khai ngày 27/04/2018 (BL 448) anh T xác định vật liệu xây dựng của anh xây dựng vào nhà kho của anh V, nên anh V phải trả tiền cho anh. Điều đó cho thấy việc anh T cho rằng có thỏa thuận mua bán vật tư xây dựng với anh V là không đúng và không có xảy ra trên thực tế. Việc anh cho rằng vật liệu vây dựng của anh đã xây dựng nhà kho cho anh V thì anh V phải có nghĩa vụ trả tiền cho anh là không có căn cứ. Mặt khác, lời khai ban đầu của anh T xác định anh V không liên quan đến việc mua bán vật liệu xây dựng là hoàn phù hợp với lời khai của anh V; anh V không có hợp đồng hay thỏa thuận mua bán vật liệu xây dựng với anh T, mà anh V đã hợp đồng với anh T; anh T trực tiếp ký kết và đã thanh toán dứt điểm hợp đồng với anh V sau khi công trình hoàn thành. Do đó, anh V không mua bán vật liệu xây dựng của anh T nên anh V không có trách nhiệm trả tiền vật liệu xây dựng cho anh T. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T với nhận định thực tế vật liệu xây dựng của anh T xây dựng nhà kho của anh V để buộc anh V trả tiền là không có căn cứ. Như vậy, anh T chứng minh được thực tế đã bán vật liệu xây dựng cho người nào thì anh T khởi kiện yêu cầu người đó trả tiền vật liệu xây dựng cho anh.

[8] Như đã phân tích, thực tế vật liệu xây dựng của anh T có xây dựng nhà kho do anh V làm chủ, nhưng anh V không phải là người trực tiếp mua vật liệu xây

dựng với anh T; mà anh V thuê nhà thầu xây dựng trọn gói và thanh toán xong; do đó anh V không có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của anh T. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng vật liệu xây dựng của anh T thực tế đã xây dựng nhà kho do anh V làm chủ và buộc anh V trả tiền cho anh T là không có cơ sở. Từ nhận định trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lâm Thành V, không có căn cứ chấp nhận phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí, chi phí tố tụng cũng được sửa lại theo đúng quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí tố tụng: Anh Tô Khánh T phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.272.000 đồng, anh Tô Khánh T đã nộp xong.

[10] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lâm Thành V không phải chịu. Anh Tô Khánh T phải chịu án phí số tiền 7.907.900 đồng, anh Tô Khánh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 6.500.000 đồng theo lai biên lai thu số 005094 ngày 21 tháng 10 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, anh T còn phải nộp tiếp số tiền 1.407.900 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lâm Thành V không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 305, 428, 438 của Bộ luật Dân sự 2005; Áp dụng Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của anh Lâm Thành V. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Khánh T đối với anh Lâm Thành V, anh Nguyễn Chí L, chị Lâm Kim V đòi tiền mua vật liệu xây dựng số tiền 158.158.500 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu khởi kiện của anh Tô Khánh T đối với số tiền 107.970.500 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Tô Khánh T phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.272.000 đồng, anh Tô Khánh T đã nộp xong.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lâm Thành V không phải chịu. Anh Tô Khánh T phải chịu án phí số tiền 7.907.900 đồng, anh Tô Khánh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 6.500.000 đồng theo lai biên lai thu số 005094 ngày 21 tháng 10 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, anh T còn phải nộp tiếp số tiền 1.407.900 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lâm Thành V không phải chịu. Anh V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013791 ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện PL;
- CCTHADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều